

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Thị Thúy	An				9	5	1994	Xã Kỳ Tân - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Quốc tế		QNG00017		77.50	53.75	67.50		QNG00026
2	Đặng Trần Lan	Anh				14	8	1988	Xã Tịnh Châu - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00036		60.00	33.75	65.00		QNG00089
3	Hồ Thị Minh	Anh				26	6	1993	Thôn Phước Toàn - Xã Đức Hòa - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Văn Lang	Kế toán		QNG00046		52.50	38.75	72.50		QNG00100
4	Ngô Bảo	Anh	16	8	1990				Xã Đức Tân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Văn Hiến	Kế toán		QNG00060		VT	VT	VT		QNG00094
5	Nguyễn Nhật	Anh	22	3	1992				Đức Chánh - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Lạc Hồng	Kế toán	Con TB	QNG00068	20	52.50	35.00	55.00		QNG00402
6	Nguyễn Thị Cẩm	Anh				10	8	1993	Xã Phổ Vinh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán Kiểm toán		QNG00070		VT	VT	VT		QNG00135
7	Võ Thị Hoàng	Anh				6	2	1991	Xã Nghĩa Thương - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Dân sự		QNG00125		VT	VT	VT		QNG00177
8	Nguyễn Tấn	Cầm	2	3	1989				Xã Tịnh Bình - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG00177		VT	VT	VT		QNG00413
9	Nguyễn Thị	Cầm				1	1	1990	Tịnh Bình - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Đồng Á	Kế toán		QNG00178		VT	VT	VT		QNG00198
10	Nguyễn Thị	Cầm				1	6	1985	Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Duy Tân	Kế toán		QNG00181		42.50	28.75	47.50		QNG00375
11	Phạm Thị	Cầm				2	3	1985	Nghĩa Thuận - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG00183		42.50	57.50	52.50		QNG00187
12	Tôn Nữ Minh	Châu				25	6	1993	Đội 13 - Thôn Tây - Xã Tịnh Sơn - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00201		27.50	42.50	80.00		QNG00053
13	Trần Thị Minh	Châu				28	8	1982	Phường Chánh Lộ - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Tài chính TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG00202		VT	VT	VT		QNG00352
14	Lê Vũ Diễm	Chi				2	12	1991	Phường Trương Quang Trọng - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính Doanh nghiệp		QNG00209		55.00	66.25	72.50		QNG00126
15	Nguyễn Thị Lệ	Chi				25	12	1983	Thôn Long Bàn - Xã Tịnh An - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00218		82.50	70.00	75.00		QNG00180
16	Phạm Thị Diễm	Chi				16	11	1988	Thôn 2 - Xã Đức Tân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00220		87.50	58.75	75.00		QNG00163
17	Nguyễn Thị Kiều	Chinh				2	5	1990	Thôn Cộng Hòa I - Xã Tịnh An Tây - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00234		50.00	32.50	42.50		QNG00314
18	Nguyễn Tấn	Cường	1	2	1994				Xã Bình Tân - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Long Hoa - Đà Loan	Tài chính ngân hàng		QNG00257		VT	VT	VT		QNG00173
19	Huỳnh Thị Anh	Đào				10	6	1985	Bình Trung - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG00269		85.00	46.25	65.00		QNG00151
20	Võ Duy Thành	Đạt	3	7	1994				Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG00284		55.00	48.75	62.50		QNG00166

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	Phạm Thị Kiều	Diễm				29	8	1994	Tổ 10 - Phường Chánh Lộ - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính doanh nghiệp		QNG00294		70.00	47.50	67.50		QNG00312
22	Võ Thị Xuân	Diễm				20	7	1991	Thôn Hòa Vĩnh - Xã Hành Phước - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán	Con TB	QNG00296	20	60.00	45.00	57.50		QNG00409
23	Lê Thị	Diễm				3	11	1992	Xã Nghĩa Hiệp - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Ngân hàng		QNG00297		72.50	35.00	60.00		QNG00141
24	Bùi Thị	Diệu				10	8	1990	Thôn Hải Môn - Xã Nghĩa Hiệp - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG00307		90.00	42.50	82.50		QNG00306
25	Trần Thị Thanh	Diệu				16	6	1991	Xã Phổ Cường - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Sài Gòn	Tài chính ngân hàng		QNG00312		50.00	47.50	60.00		QNG00034
26	Võ Minh	Diệu				9	9	1991	Xã Tịnh Phong - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp	Con TB	QNG00313	20	65.00	47.50	52.50		QNG00103
27	Đỗ Thị Kim	Dung				24	8	1991	Xã Bình Tân - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG00343		45.00	30.00	30.00		QNG00376
28	Nguyễn Thị Thủy	Dung				12	12	1994	Xã Tịnh Minh - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00375		67.50	28.75	62.50		QNG00328
29	Phan Thủy	Dung				2	1	1991	Thị trấn Châu Ổ - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán ngân hàng		QNG00378		87.50	66.25	70.00		QNG00063
30	Tô Thị	Dung				1	1	1991	Thôn An Trường - Xã Phổ Ninh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	QNG00380	20	87.50	46.25	75.00		QNG00071
31	Đoàn Đại	Dương	14	9	1985				Đức Tân - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		QNG00409		55.00	40.00	65.00		QNG00168
32	Hoàng Thị Thủy	Dương				20	10	1991	Nghi Phúc - Huyện Nghi Lộc - Tỉnh Nghệ An	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG00411		77.50	42.50	72.50		QNG00064
33	Nguyễn Thị Thủy	Dương				16	7	1991	Xã Nghĩa Hà - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Văn Lang	Kế toán - Kiểm toán		QNG00422		75.00	62.50	80.00		QNG00031
34	Phạm Thị Thủy	Dương				21	11	1991	Xã Khởi Nghĩa - Huyện Tiên Lãng - Thành phố Hải Phòng	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00425		85.00	51.25	75.00		QNG00011
35	Tạ Lê Kiều	Dương				4	10	1995	Tổ 7 - Phường Nghĩa Chánh - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00426		75.00	43.75	75.00		QNG00430
36	Huỳnh Thị	Dương				13	7	1994	Xã Nghĩa Phương - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00430		62.50	42.50	62.50		QNG00349
37	Đặng Thị Mỹ	Duyên				15	3	1991	Cự Khê - Thanh Oai - Hà Nội	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00434		47.50	33.75	45.00		QNG00070
38	Lê Thị Hồng	Duyên				22	4	1991	Thôn 6 - Xã Đức Chánh - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNG00440		80.00	53.75	65.00		QNG00162
39	Nguyễn Thị Minh	Duyên				30	9	1992	Xã Bình Mỹ - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG00448		72.50	28.75	67.50		QNG00137
40	Nguyễn Thị Xuân	Duyên				24	7	1992	Xã Đức Thắng - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị tài chính - Ngân hàng		QNG00452		VT	VT	VT		QNG00099
41	Phạm Thị	Duyên				10	11	1991	Đức Hòa - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Luật	Luật Tài chính Ngân hàng Chứng khoán		QNG00453		65.00	32.50	70.00		QNG00115
42	Lê Thị Hồng	Gấm				1	5	1991	Xã Tịnh Hà - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00461		VT	VT	VT		QNG00343
43	Bùi Thị Cẩm	Giang				22	8	1989	Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Văn Lang	Kế toán - Kiểm toán		QNG00463		52.50	36.25	55.00		QNG00032
44	Nguyễn Duy	Hà	30	9	1989				Thôn Bàn Thờ - Xã Hành Thiện - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00528		45.00	43.75	50.00		QNG00164
45	Nguyễn Thị Thanh	Hà				27	12	1988	Xã Bình Phú - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00531		97.50	68.75	90.00		QNG00362

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
46	Nguyễn Thị Thu	Hà				10	7	1994	Xã Tịnh Sơn - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Kế toán	Ngân hàng		QNG00538		80.00	51.25	30.00		QNG00131
47	Nguyễn Thị Thu	Hà				2	9	1993	Thị trấn Mộ Đức - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00537		67.50	66.25	80.00		QNG00363
48	Nguyễn Thị Hoàng	Hạ				10	4	1993	Thôn vùng 4 - Xã Phổ Thuận - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG00564		VT	VT	VT		QNG00036
49	Nguyễn Thị Thanh	Hải				18	1	1988	Xã Nghĩa Hà - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Văn Lang	Kế toán - Kiểm toán		QNG00572		60.00	48.75	45.00		QNG00346
50	Tạ Lâm	Hải	7	10	1983				Phường Trần Hưng Đạo - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		QNG00576		77.50	60.00	77.50		QNG00178
51	Võ Đình	Hải	2	1	1985				Nghĩa Phương - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		QNG00580		27.50	26.25	35.00		QNG00403
52	Bùi Hoàng Thu	Hằng				29	3	1993	Xã Tịnh Phong - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		QNG00587		87.50	66.25	80.00		QNG00012
53	Võ Thị	Hằng				7	7	1992	Khu dân cư số 4 - Thôn Đại An Tây I - Xã Hành Thuận - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		QNG00648		VT	VT	VT		QNG00090
54	Đinh Thị Đức	Hạnh				26	7	1991	Đội I - Thôn Thọ Tây - Xã Tịnh Thọ - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QNG00653		VT	VT	VT		QNG00045
55	Nguyễn Thị	Hạnh				26	3	1993	Thôn Đông - Xã An Vĩnh - Huyện Lý Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG00663		50.00	30.00	42.50		QNG00356
56	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh				1	4	1991	Thôn Tân Hy - Xã Bình Đông - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh quốc tế		QNG00666		85.00	47.50	65.00		QNG00014
57	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh				16	6	1989	Phường Trương Quang Trọng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	QNG00665	20	80.00	53.75	67.50		QNG00316
58	Trịnh Tuyết	Hạnh				2	9	1992	Thôn Châu Me - Xã Phổ Châu - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		QNG00680		90.00	75.00	77.50		QNG00112
59	Trương Quỳnh	Hạnh				24	9	1992	Xã Tịnh Châu - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00681		42.50	35.00	50.00		QNG00329
60	Huỳnh Nguyên Thu	Hảo				30	7	1994	Thị trấn Chợ Chùa - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG02321		80.00	51.25	80.00		QNG00093
61	Võ Thị Minh	Hậu				5	12	1983	Đội 7 - Thôn Cộng Hòa I - Xã Tịnh An Tây - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG00694		55.00	23.75	27.50		QNG00007
62	Đinh Thị Thu	Hiền				12	4	1989	Phước Điền - Đức Hòa - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Trà Vinh	Kế toán tổng hợp		QNG00702		VT	VT	VT		QNG00200
63	Huỳnh Trần Minh	Hiền				17	1	1994	Phường Nguyễn Nghiêm - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00714		VT	VT	VT		QNG00320
64	Võ Thị Bích	Hiền				24	8	1991	Xã Hành Thuận - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật học		QNG00761		72.50	63.75	77.50		QNG00118
65	Võ Thị Thu	Hiền				2	2	1989	Xã Tịnh Châu - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG00763		52.50	28.75	60.00		QNG00348
66	Lê Hoàng	Hiệp	20	8	1991				Xã Điện Hòa - Huyện Điện Bàn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		QNG00768		VT	VT	VT		QNG00153
67	Đinh Trung	Hiếu	21	4	1987				Xã Trung Hóa - Huyện Minh Hóa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		QNG00774		32.50	27.50	32.50		QNG00325
68	Mai Thị Như	Hiếu				22	6	1994	Xã Bình Triều - Huyện Thăng Bình - Tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính Kế toán	Ngân hàng		QNG00776		77.50	42.50	70.00		QNG00302
69	Trương Quang	Hiếu	12	4	1991				Tịnh Đông - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		QNG00784		85.00	65.00	77.50		QNG00175

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
70	Huỳnh Thị Kim	Hoa				7	7	1994	Xã Hành Thịnh - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		QNG00792		52.50	66.25	70.00		QNG00301
71	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa				12	10	1988	Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh quốc tế	Con TB	QNG00828	20	60.00	63.75	77.50		QNG00410
72	Nguyễn Thị Tuyết	Hòa				18	4	1992	Xã Nghĩa Thắng - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Ngân hàng	Con NHCS như TB	QNG00830	20	70.00	47.50	67.50		QNG00077
73	Phạm Trần Bảo	Hòa				24	3	1994	Phước Ninh - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính công		QNG00832		77.50	63.75	70.00		QNG00005
74	Trần Vũ	Hoàn	18	10	1993				Phường Quảng Phú - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Tài chính ngân hàng		QNG00849		55.00	42.50	55.00		QNG00037
75	Nguyễn Thị	Hoàng				3	2	1990	Thôn Thiệp Sơn - Xã Phổ Thuận - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00861		45.00	30.00	40.00		QNG00083
76	Nguyễn Thị Hồng	Hoanh				24	12	1992	Xã Bình Nguyên - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và quản lý thuế		QNG00870		80.00	50.00	80.00		QNG00079
77	Đinh Thị	Hồng				4	6	1990	Xã Tịnh Thọ - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG00872		82.50	51.25	67.50		QNG00067
78	Lê Nguyễn	Hồng				18	7	1992	Thị trấn Phú Mỹ - Huyện Phú Mỹ - Tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG00877		VT	VT	VT		QNG00184
79	Nguyễn Thị Minh	Hồng				10	7	1985	Đội 7 - Thôn 4 - Xã Nghĩa Đông - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Kế toán kiểm toán		QNG00887		47.50	38.75	45.00		QNG00182
80	Đinh Thị Thu	Huê				20	4	1994	Xã Tịnh Thọ - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG00895		72.50	40.00	70.00		QNG00104
81	Nguyễn Kim	Huê				3	12	1991	Thị trấn Phú Phong - Huyện Tây Sơn - Tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00906		VT	VT	VT		QNG00046
82	Hoàng Vĩnh	Hưng	10	8	1988				Xã Đức Tân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		QNG00933		55.00	57.50	82.50		QNG00145
83	Nguyễn Thanh	Hưng	10	5	1981				Xã Phổ Ninh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán Kiểm toán		QNG00937		60.00	41.25	60.00		QNG00130
84	Đinh Thị Hoài	Hương				11	5	1991	Thôn An Dạ - Xã Triệu Độ - Huyện Thiệu Phong - Tỉnh Quảng Trị	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00945		85.00	48.75	62.50		QNG00404
85	Lê	Hương				12	1	1988	Thôn Lệ Thủy - Xã Tịnh Châu - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNG00952		87.50	57.50	75.00		QNG00190
86	Nguyễn Thị Minh	Hương				2	4	1990	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin kinh tế		QNG00978		VT	VT	VT		QNG00023
87	Phạm Thị Thu	Hương				26	2	1995	Xã Nghĩa Đông - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00986		VT	VT	VT		QNG00429
88	Ha Trác	Huy	28	2	1987				Thôn Bình Bắc - Xã Tịnh Bình - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Văn Hiến	Quản trị kinh doanh	Con TB	QNG01004	20	VT	VT	VT		QNG00098
89	Hồ Ngọc	Huy	30	9	1989				Xã Bình Thanh Đông - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG01005		VT	VT	VT		QNG00158
90	Đỗ Thị Kim	Huyền				5	5	1991	Thôn Vĩnh Tuy - Xã Tịnh Hiệp - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		QNG01024		90.00	38.75	70.00		QNG00106
91	Dương Thị Minh	Huyền				10	8	1994	Xã Phổ Ninh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính công		QNG01025		95.00	68.75	95.00		QNG00010
92	Hồ Thị	Huyền				30	8	1992	Thôn Diên Sơn 7 - Xã Long Sơn - Huyện Minh Long - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		QNG01026		90.00	57.50	72.50		QNG00065
93	Lê Thị Lệ	Huyền				24	4	1986	Tịnh Hà - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG01040		65.00	53.75	75.00		QNG00165
94	Phạm Lê Minh	Kha				24	7	1990	Xã Nghĩa Hòa - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		QNG01081		50.00	57.50	52.50		QNG00008

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ	
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	95	Nguyễn Hồng	Khánh	20	11	1991				Thế Long - Tịnh Phong - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG01095		VT	VT	VT		QNG00412
	96	Nguyễn Hồng	Khánh	14	6	1991				Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh	Con NHCS như TB	QNG01094	20	75.00	37.50	70.00		QNG00304
	97	Nguyễn Thị Vân	Khánh				6	2	1990	Xã Tịnh Hòa - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG01097		45.00	38.75	35.00		QNG0034
	98	Nguyễn Nguyễn Bảo	Khuyên				24	12	1994	Văn Sơn - Đô Lương - Nghệ An	Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính doanh nghiệp		QNG01111		47.50	43.75	50.00		QNG00003
	99	Nguyễn Thoại	Kiều				29	12	1994	Tịnh Sơn - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01121		45.00	33.75	52.50		QNG00401
	100	Trần Thị Cẩm	Lai				2	2	1987	Thôn 5 - Xã Nghĩa Lâm - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Kế toán		QNG01125		67.50	36.25	45.00		QNG00016
	101	Lê Ngọc Mỹ	Lan				10	10	1985	Nghĩa Thương - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG01149		77.50	56.25	70.00		QNG00186
	102	Nguyễn Thị	Lan				29	8	1988	Phường Trương Quang Trọng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng		QNG01151		57.50	45.00	52.50		QNG00326
	103	Huỳnh Thị Bích	Lệ				2	2	1992	Thị Trấn Chợ Chùa - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Tài chính TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG01177		37.50	48.75	40.00		QNG00121
	104	Nguyễn Thị	Lệ				5	1	1992	Thôn Châu Bình - Xã Bình Châu - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính ngân hàng		QNG01182		VT	VT	VT		QNG00331
	105	Nguyễn Thị Kiều Mỹ	Lệ				11	11	1993	Xóm 1 - Thôn An Quý Bắc - Xã Hoài Châu - Huyện Hoài Nhơn - Tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán	Con NHCS như TB	QNG01183	20	57.50	50.00	62.50		QNG00411
	106	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ				18	10	1991	Xã Đức Lân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	QNG01184	20	87.50	41.25	80.00		QNG00057
	107	Trần Thị Bích	Lệ				12	7	1992	Khu dân cư 9 - Tổ Dân phố 3 - Thị trấn Mộ Đức - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG01187		75.00	67.50	65.00		QNG00333
	108	Bach Thị Ái	Liên				2	8	1980	Đội 20 - Thôn Diên Niên - Xã Tịnh Sơn - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	QNG01191	20	VT	VT	VT		QNG00377
	109	Trương Thùy	Liên				14	9	1990	Tổ 10 - Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		QNG01216		95.00	60.00	75.00		QNG00009
	110	Nguyễn Thị	Liễu				19	3	1985	Phổ Phong - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		QNG01223		70.00	31.25	57.50		QNG00143
	111	Trần Thị Thủy	Liễu				31	10	1992	Khối 1 - Thị trấn La Hà - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		QNG01224		VT	VT	VT		QNG00360
	112	Bùi Thị Diệu	Linh				9	2	1994	Thôn Xuân Thành - Xã Phổ Cường - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01225		47.50	42.50	55.00		QNG00060
	113	Huỳnh Thị Thùy	Linh				29	10	1992	Xã Bình Dương - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG01247		52.50	65.00	85.00		QNG00002
	114	Phạm Thị Ka	Linh				7	1	1993	Xã Trà Phú - Huyện Trà Bồng - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG01301		45.00	47.50	62.50		QNG00092
	115	Phạm Thị Thùy	Linh				20	10	1992	Thôn Phú Nhiêu II - Xã Bình Phú - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính ngân hàng		QNG01304		VT	VT	VT		QNG00334
	116	Cù Thị Kim	Loan				12	4	1992	Đội 12 - Thôn Phú Lễ 2 - Xã Bình Trung - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Sài Gòn	Kế toán		QNG01335		92.50	45.00	62.50		QNG00102
	117	Nguyễn Thị	Loan				25	7	1992	Bình Phước - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và quản lý thuế		QNG01348		40.00	30.00	52.50		QNG00176

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
118	Phạm Thị Kim	Loan				21	5	1991	Đội 11 - Thôn La Hà - Xã Nghĩa Thương - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG01355		45.00	56.25	72.50		QNG00042
119	Phan Thị	Lộc				22	7	1989	Bình Tân - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh quốc tế	Con TB	QNG01362	20	72.50	47.50	67.50		QNG00154
120	Lê Vũ Hoàng	Long	2	9	1983				Đức Lân - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	QNG01368	20	VT	VT	VT		QNG00167
121	Huỳnh Thị	Ly				7	5	1993	Bình Phú - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Đà Lạt	Quản trị kinh doanh		QNG01398		67.50	42.50	67.50		QNG00017
122	Nguyễn Hồng Ánh	Ly				14	8	1992	Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Hà Nội	Luật		QNG01406		57.50	40.00	65.00		QNG00140
123	Nguyễn Thị Hương	Ly				23	9	1986	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		QNG01411		VT	VT	VT		QNG00414
124	Nguyễn Thị Mai	Ly				11	2	1991	Xã Nghĩa Dũng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG01417		VT	VT	VT		QNG00085
125	Phạm Thị Ly	Ly				11	10	1992	Thôn Tân Phước - Xã Bình Minh - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Lạt	Kế toán		QNG01419		40.00	41.25	52.50		QNG00018
126	Phan Thị	Ly				21	9	1993	Xã Hành Phước - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01421		VT	VT	VT		QNG00353
127	Thân Thị Trúc	Ly				30	12	1991	KDC số 11 - Thôn 2 - Xã Đức Chánh - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học kinh tế Luật	Quản trị kinh doanh		QNG01425		VT	VT	VT		QNG00188
128	Nguyễn Thị Xuân	Mai				10	3	1979	Mỹ Trang - Phổ Cường - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Đại học tài chính kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG01452		75.00	41.25	52.50		QNG00159
129	Trương Thị Hồng	Mai				2	8	1989	Thôn Trung Sơn - Xã Phổ Khánh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng	Con TB	QNG01460	20	VT	VT	VT		QNG00041
130	Trần Thị	Mạnh				17	12	1992	Thôn Đông - Xã An Vĩnh - Huyện Lý Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính ngân hàng		QNG01470		VT	VT	VT		QNG00061
131	Cao Việt Nữ Trà	Mi				6	6	1983	Xã Hành Phước - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Tài chính		QNG01476		82.50	27.50	60.00		QNG00096
132	Nguyễn Thị Thùy	Miên				5	5	1993	Xã Tịnh Giang - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01479		57.50	31.25	77.50		QNG00420
133	Lê Quang	Minh	30	12	1991				Đội 6 - Thôn Phú Mỹ - Xã Nghĩa Mỹ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Ngân hàng		QNG01489		42.50	32.50	70.00		QNG00039
134	Dương Thị Trà	My				16	2	1990	Cầm Long - Cầm Xuyên - Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		QNG01516		60.00	56.25	72.50		QNG00107
135	Huỳnh Thị Hoài	My				27	11	1991	Bình Chương - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Sài Gòn	Tài chính ngân hàng		QNG01519		75.00	57.50	75.00		QNG00179
136	Nguyễn Ngọc Trà	My				4	4	1987	Xã Tịnh Hòa - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		QNG01524		27.50	41.25	37.50		QNG00406
137	Nguyễn Thị Như	My				10	6	1991	Thị trấn Trà Xuân - huyện Trà Bồng - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		QNG01525		VT	VT	VT		QNG00193
138	Nguyễn Thị Thảo	My				24	9	1991	Xã Tịnh Giang - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế Kế hoạch Đầu tư		QNG01526		32.50	VT	VT		QNG00049
139	Nguyễn Thị Ly	Na				26	2	1985	Tổ 13 - Phường Chánh Lộ - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		QNG01546		VT	VT	VT		QNG00019
140	Phạm Thị Lê	Na				26	5	1994	Xã Tịnh Châu - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		QNG01548		VT	VT	VT		QNG00373
141	Nguyễn Quốc	Nam	2	5	1982				Thị trấn La Hà - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Vinh	Luật		QNG01559		37.50	32.50	60.00		QNG00059
142	Đỗ Thúy	Ngân				27	5	1995	Xã Phổ Cường - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01604		45.00	66.25	72.50		QNG00426

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
143	Trần Như	Ngân				1	1	1992	Đức Thanh - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG01631		50.00	42.50	55.00		QNG00191
144	Trần Thị Hồng	Nghĩa				2	6	1993	Thôn 3 - Xã Long Hiệp - Huyện Minh Long - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		QNG01641		45.00	28.75	52.50		QNG00350
145	Hoàng Quang	Ngọc	3	1	1993				Xã Hành Phước - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quốc tế Miền Đông	Quản trị kinh doanh		QNG01651		60.00	63.75	47.50		QNG00146
146	Lê Trương Cẩm	Ngọc				7	10	1988	Xã Nghĩa Hà - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG01658		VT	VT	VT		QNG00318
147	Ngô Thị Như	Ngọc				6	9	1988	Xã Bình Nguyên - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QNG01661		VT	VT	VT		QNG00051
148	Nguyễn Thị	Ngọc				11	2	1992	Tịnh Hiệp - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính ngân hàng	Con TB	QNG01666	20	67.50	46.25	72.50		QNG00095
149	Trần Thị	Ngọc				20	9	1992	Xã Đức Nhuận - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG01685		90.00	58.75	87.50		QNG00074
150	Bùi Hoàng Cát	Nguyên	30	1	1990				Xã Tịnh Sơn - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Kế toán Kiểm toán		QNG01693		77.50	62.50	75.00		QNG00366
151	Võ Thị Ánh	Nguyệt				24	10	1994	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01725		70.00	56.25	77.50		QNG00371
152	Trần Thị	Nhân				28	1	1995	Xã Đức Tân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01742		VT	VT	VT		QNG00432
153	Nguyễn Thị	Nhận				10	4	1991	Xã Tịnh Minh - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công - Quản lý thuế	Con TB	QNG01755	20	77.50	51.25	65.00		QNG00075
154	Phạm Thị Mỹ	Nhận				18	9	1991	Đội 14 - Thôn Hòa Thọ - Xã Hành Phước - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01756		50.00	30.00	40.00		QNG00347
155	Lê Quang	Nhật	6	5	1989				Phường Trương Quang Trọng - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Quản trị Kinh doanh quốc tế		QNG01758		VT	VT	VT		QNG00138
156	Nguyễn Thị	Nhật				1	8	1994	Thị Trấn Chợ Chùa - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG01762		82.50	47.50	70.00		QNG00128
157	Huỳnh Thị Kim	Nhi				21	12	1988	Tổ dân phố 5 - Thị trấn Châu Ô - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		QNG01772		72.50	45.00	75.00		QNG00189
158	Nguyễn Thị Chính	Nhi				9	9	1990	Thôn An Bình - Xã Tịnh Đông - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Luật	Quản trị kinh doanh	Con TB	QNG01778	20	80.00	43.75	62.50		QNG00044
159	Trương Thị Ý	Nhi				18	1	1992	Đội 2 - Thôn 2 - Xã Nghĩa Đông - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Quản trị Kinh doanh quốc tế		QNG01792		85.00	52.50	85.00		QNG00117
160	Phạm Thị Thu	Nhi				4	4	1989	Tổ Dân phố 6 - Thị trấn Châu Ô - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Duy Tân	Kế toán		QNG01794		50.00	43.75	35.00		QNG00310
161	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				16	6	1995	Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01840		57.50	33.75	47.50		QNG00421
162	Phạm Thị Hạnh	Nhung				5	9	1991	Xã Bình Long - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán	Con TB	QNG01845	20	80.00	MT	70.00		QNG00330
163	Phan Thị	Nhung				6	11	1993	Thôn Tây - Xã An Vĩnh - Huyện Lý Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG01849		27.50	37.50	72.50		QNG00040
164	Trần Hồng	Nhung				17	12	1988	Xã Nghĩa Phương - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG01851		72.50	60.00	70.00		QNG00150
165	Nguyễn Hoàng Thảo	Ni				20	11	1991	Liên tổ 1 - Thị trấn Sông Vệ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG01861		67.50	50.00	75.00		QNG00335
166	Trương Hoàng	Nương				2	8	1986	Bình Thanh - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế và Quản lý công		QNG01872		VT	VT	VT		QNG00147

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
167	Nguyễn Trang	Oanh				10	10	1993	Xã Tịnh Đông - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Luật	Luật Thương mại Quốc tế		QNG01900		42.50	72.50	77.50		QNG00122
168	Trương Thị Châu	Pha				12	10	1988	Phường Trương Quang Trọng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Marketing	Ngân hàng		QNG01913		87.50	55.00	80.00		QNG00078
169	Lê Thị	Phát				23	8	1994	Đội 12 - Thôn Đông - Xã An Hải - Huyện Lý Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01914		42.50	26.25	47.50		QNG00425
170	Phạm Phan Hoàng	Phúc				20	5	1991	Xã Tịnh Hà - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán		QNG01932		VT	VT	VT		QNG00323
171	Trần Thị	Phụng				20	9	1993	Thôn Lộc An - Xã Phổ Vinh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG01938		37.50	36.25	45.00		QNG00086
172	Cao Văn	Phước	21	4	1990				Phường Nghĩa Lộ - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01940		42.50	40.00	70.00		QNG00424
173	Huỳnh Thị Ngọc	Phước				24	1	1993	Xã Ba Đông - Huyện Ba Tơ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG01941		67.50	42.50	72.50		QNG00367
174	Nguyễn Tôn Xuân	Phước				23	8	1990	Xã Tịnh Giang - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		QNG01944		VT	VT	VT		QNG00332
175	Huỳnh Thị Diễm	Phượng				15	8	1990	Hàm Long - Nghĩa Hà - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		QNG01963		90.00	70.00	80.00		QNG00170
176	Nguyễn Thị Quý	Phượng				18	7	1989	Xuân Sơn - Đồng Xuân - Phú Yên	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG01994		57.50	40.00	62.50		QNG00365
177	Vũ Thị	Phượng				13	10	1990	Phường Lê Hồng Phong - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG02024		35.00	23.75	22.50		QNG00192
178	Cao Thị Thu	Phượng				16	8	1992	Tổ 19 - Phường Trần Phú - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG02025		VT	VT	VT		QNG00339
179	Nguyễn Thị Hồng	Phượng				6	8	1992	Khu dân cư số 5 - Thôn Đại An Tây I - Xã Hành Thuận - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG02036		VT	VT	VT		QNG00091
180	Nguyễn Thị Ngọc	Quý				25	6	1993	Tổ 2 - An Thái - Bình An - Thăng Bình - Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG02063		VT	VT	VT		QNG00351
181	Vô Thị	Quý				20	2	1992	Đội 7 - Thôn Phú Châu - Xã Hành Đức - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng quốc tế		QNG02067		70.00	50.00	67.50		QNG00160
182	Vương Thị Lệ	Quyên				16	8	1994	Xóm 1 - Thôn Phú Sơn - Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán Quảng Ngãi	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	QNG02088	20	57.50	45.00	57.50		QNG00028
183	Nguyễn Thị	Quỳnh				10	5	1993	Nghĩa Trung - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG02109		45.00	38.75	47.50		QNG00109
184	Nguyễn Thị Như	Quỳnh				17	2	1995	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		QNG02117		97.50	65.00	90.00		QNG00419
185	Nguyễn Thị Như	Quỳnh				10	2	1991	Phổ An - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		QNG02114		37.50	31.25	52.50		QNG00415
186	Nguyễn Thị Thư	Quỳnh				14	6	1993	Xã Đức Tân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngoại thương cơ sở II TP Hồ Chí Minh	Kinh tế đối ngoại		QNG02118		65.00	78.75	77.50		QNG00139
187	Huỳnh Thị	Sa				5	5	1993	Thôn 6 - Xã Đức Nhuận - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG02134		85.00	41.25	72.50		QNG00073
188	Đỗ Trường	Sanh	20	10	1991				Xã Đức Hòa - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG02140		77.50	50.00	77.50		QNG00027
189	Lê Thị Hương	Sen				22	8	1987	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG02142		VT	VT	VT		QNG00068
190	Nguyễn Thị Trà	Sol				9	5	1987	Xã Tịnh Châu - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nông lâm	Kế toán		QNG02150		22.50	22.50	35.00		QNG00050
191	Bùi Thị Hồng	Tâm				17	7	1994	Xã Bình Châu - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán	Con TB	QNG02178	20	97.50	65.00	72.50		QNG00313

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
192	Hồ Thị Minh	Tâm				5	11	1988	Tổ 3 - Phường Chánh Lộ - Thành phố Quảng - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng		QNG02182		VT	VT	VT		QNG00066
193	Lưu Thị Minh	Tâm				18	9	1991	Xã Nghĩa Thương - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		QNG02190		77.50	52.50	75.00		QNG00124
194	Trần Thị Thanh	Tâm				14	5	1994	Xã Tịnh Hà - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Ngân hàng		QNG02209		80.00	48.75	70.00		QNG00072
195	Trần Thị Thủy	Tâm				24	4	1982	Xã Hành Phước - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán Doanh nghiệp		QNG02210		70.00	35.00	57.50		QNG00123
196	Phạm Thùy	Tân				17	5	1992	Phường Trương Quang Trọng - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính Doanh nghiệp		QNG02218		47.50	56.25	82.50		QNG00136
197	Đoàn Thị Hồng	Thắm				20	12	1994	Xã Nghĩa Lâm - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Marketing	Thuế		QNG02227		80.00	41.25	70.00		QNG00114
198	Lê Thị	Thắm				13	10	1994	Thôn Đông - An Vĩnh - Lý Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02228		40.00	27.50	57.50		QNG00195
199	Nguyễn Thị Bích	Thắm				27	3	1990	Xã Đức Phú - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Marketing	Kế toán		QNG02238		87.50	35.00	60.00		QNG00120
200	Lương Thị Thanh	Thân				25	9	1992	Xã Tịnh Bắc - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		QNG02239		VT	VT	VT		QNG00364
201	Lê Ngọc	Thanh	1	9	1984				Xã Nghĩa An - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		QNG02257		50.00	38.75	47.50		QNG00378
202	Ngô Thị Hoài	Thanh				19	11	1992	Thôn Diên Trường - Xã Phổ Khánh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế Kế hoạch Đầu tư		QNG02261		55.00	36.25	62.50		QNG00116
203	Nguyễn Chí	Thanh	22	4	1990				Thôn Tinh Phú Bắc - Xã Hành Minh - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh	Con TB	QNG02299	20	27.50	30.00	35.00		QNG00361
204	Bùi Thị Thu	Thảo				11	7	1993	Xã Đức Chánh - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG02302		67.50	58.75	67.50		QNG00043
205	Đặng Hoàng Phương	Thảo				31	12	1992	Tổ 20 - Phường Quảng Phú - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG02304		47.50	53.75	57.50		QNG00354
206	Đỗ Thu	Thảo				12	2	1992	Xã Phổ Cường - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Tài chính doanh nghiệp		QNG02309		47.50	38.75	32.50		QNG00428
207	Lê Thị Thu	Thảo				22	8	1992	Đức Tân - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		QNG02337		VT	VT	VT		QNG00174
208	Nguyễn Ánh Thu	Thảo				6	8	1986	Phú Xuân - Tây Xuân - Tây Sơn - Tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG02345		65.00	26.25	65.00		QNG00344
209	Nguyễn Thị Thu	Thảo				20	2	1988	Nghĩa Trung - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		QNG02368		35.00	26.25	40.00		QNG00156
210	Thời Thị Kim	Thảo				26	2	1993	Xã Tịnh Hà - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Huế	Luật hợp đồng		QNG02384		32.50	32.50	47.50		QNG00307
211	Trần Thị Kim	Thảo				23	1	1990	Xã Đức Nhuận - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG02388		40.00	25.00	47.50		QNG00340
212	Trần Thị Phương	Thảo				22	5	1991	Thôn Đông Quang - Xã Phổ Văn - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG02391		57.50	47.50	57.50		QNG00327
213	Võ Thị Thanh	Thảo				26	7	1993	Thôn Khánh Bắc - Xã Phổ Vinh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG02402		72.50	45.00	75.00		QNG00132
214	Trần Thị Anh	Thi				5	10	1992	Xóm 1 - Thôn Hà Tây - Xã Tịnh Hà - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		QNG02414		50.00	51.25	45.00		QNG00355
215	Biên Thị Văn	Thiên				6	1	1989	Thôn 5 - Xã Đức Nhuận - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG02416		60.00	46.25	67.50		QNG00144

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
216	Huỳnh Thị Hồng	Thịnh				1	4	1991	Xóm 5 - Thôn Thủy Triều - Phố Văn Đức Phổ - Quảng Ngãi	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG02429		60.00	50.00	70.00		QNG00194
217	Trương Thị	Thoảng				3	5	1989	Xóm 2 - Thôn Nam Phước - Xã Nghi Thuận - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Lạt	Kế toán	Con TB	QNG02455	20	77.50	43.75	62.50		QNG00088
218	Bach Thị Hà	Thu				1	5	1990	Đội 20 - Thôn Diên Niên - Xã Tịnh Sơn - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Con BB	QNG02465	20	52.50	37.50	45.00		QNG00374
219	Hạ Thị Thanh	Thu				2	2	1986	Đội 6 - Thôn Bình Nam - Xã Tịnh Bình - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán		QNG02469		57.50	48.75	67.50		QNG00308
220	Nguyễn Thị	Thu				16	9	1991	Thôn An Thọ - Xã Tịnh Sơn - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG02478		72.50	57.50	80.00		QNG00161
221	Lê Thị Như	Thư				22	2	1993	Xã Hành Thiện - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị	Con TB	QNG02502	20	50.00	75.00	70.00		QNG00303
222	Lương Thị Kim	Thư				1	4	1988	Xã Nghĩa Dũng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG02503		90.00	55.00	70.00		QNG00022
223	Bùi Thị Thương	Thương				18	5	1993	Tịnh An Tây - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG01946		47.50	47.50	65.00		QNG00062
224	Nguyễn Thị Vũ	Thường				8	1	1994	Thôn Đồng Quang - Xã Phố Văn - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02561		VT	VT	VT		QNG00337
225	Nguyễn Văn	Thường	21	1	1991				Xã Trà Xuân - Huyện Trà Bồng - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		QNG02562		57.50	45.00	47.50		QNG00357
226	Bùi Thị Thanh	Thúy				2	2	1986	Lương Nông Nam - Đức Thạnh - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		QNG02566		VT	MT	VT		QNG00149
227	Lê Thị Thanh	Thúy				16	9	1989	Tịnh Bắc - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kinh tế Kế hoạch Đầu tư	HCS như TB	QNG02578	30	VT	VT	VT		QNG00110
228	Ngô Thị Minh	Thúy				7	2	1990	Đội 8 - Thôn Kỳ Thọ Bắc - Xã Hành Đức - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		QNG02579		87.50	45.00	77.50		QNG00006
229	Nguyễn Thị Thanh	Thúy				19	2	1992	Xóm 11 - Thôn Diên Trang - Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG02591		62.50	53.75	62.50		QNG00097
230	Trần Thị	Thúy				1	6	1994	Thôn Diên Chánh - Xã Nghĩa Diên - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02596		85.00	37.50	57.50		QNG00054
231	Trần Thị Minh	Thúy				6	6	1992	Đội 13 - Thôn Phú Lễ 2 - Xã Bình Trung - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02597		60.00	43.75	40.00		QNG00058
232	Vô Ngọc	Thúy				17	2	1994	Xã Phố An - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02599		40.00	26.25	57.50		QNG00427
233	Hồ Thị	Thủy				15	11	1987	Tổ 4 - Nghĩa Chánh - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán	Con TB	QNG02606	20	70.00	72.50	55.00		QNG00157
234	Vô Thị Thanh	Thủy				1	5	1990	An Phố - Xã Phố An - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính doanh nghiệp		QNG02617		50.00	51.25	65.00		QNG00368
235	Ngô Thị Thanh	Thủy				16	11	1992	Xã Nghĩa Hòa - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh thương mại		QNG02636		65.00	46.25	80.00		QNG00408
236	Phan Thị Bích	Thủy				21	1	1991	Khu dân cư 12 - Tú Sơn 2 - Xã Đức Lân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG02593		VT	VT	VT		QNG00084
237	Huỳnh Thị Thủy	Tiên				12	11	1993	Phố An - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02671		47.50	40.00	67.50		QNG00015

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
238	Lê Thị Thủy	Tiên				13	3	1992	Thôn Thạch Trụ Tây - Xã Đức Lân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng		QNG02675		65.00	51.25	70.00		QNG00359
239	Mai Thị Thủy	Tiên				7	1	1994	Thôn 3 - Xã Nghĩa Lâm - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Kế toán	Tài chính Doanh nghiệp		QNG02678		VT	VT	VT		QNG00108
240	Phạm Thị Thảo	Tiên				4	8	1992	Bình Phú - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG02681		52.50	42.50	67.50		QNG00105
241	Bùi Thị	Tiền				3	2	1993	Phường Trương Quang Trọng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính công		QNG02686		57.50	45.00	80.00		QNG00047
242	Lê Thị	Tiền				10	2	1993	Xã Tịnh Bình - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02690		VT	VT	VT		QNG00196
243	Phạm Thị	Tiền				8	10	1994	Xóm 8 - Thôn La Châu - Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02691		90.00	43.75	75.00		QNG00081
244	Phạm Thị	Tiếp				16	10	1989	Xã Đức Chánh - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Học viện hành chính quốc gia	Luật học		QNG02692		42.50	35.00	55.00		QNG00338
245	Bùi Thị Minh	Tín				19	4	1987	Phường Trương Quang Trọng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG02695		50.00	31.25	47.50		QNG00087
246	Lê Tấn	Toại	10	9	1990				Xã Tịnh An - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02709		45.00	46.25	32.50		QNG00035
247	Lê Thị	Toàn				28	3	1992	Thôn III - Xã Bình Hòa - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG02713		65.00	48.75	45.00		QNG00020
248	Nguyễn Thị Thanh	Trà				21	8	1990	Tịnh Khê - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán	Con TB	QNG02727	20	VT	VT	VT		QNG00133
249	Phan Thị Kim	Trà				8	9	1992	Đội 6 - Thôn Xuân Vinh - Xã Hành Đức - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02729		VT	VT	VT		QNG00321
250	Trần Hồ Hương	Trà				26	4	1994	Xã Tịnh Bình - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Marketing	Tài chính doanh nghiệp		QNG02731		57.50	56.25	70.00		QNG00311
251	Lê Thị	Trâm				6	9	1993	Bình Minh - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG02741		VT	VT	VT		QNG00405
252	Nguyễn Thị Bích	Trâm				1	6	1993	Xã Đức Lân - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Dân sự	Con TB	QNG02746	20	VT	VT	VT		QNG00370
253	Bùi Phương Thủy	Trang				5	9	1992	Xã Đức Thạnh - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG02767		50.00	41.25	40.00		QNG00038
254	Đặng Thị Thủy	Trang				28	11	1988	Xã Nghĩa Hiệp - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Ngân hàng		QNG02776		47.50	45.00	67.50		QNG00125
255	Nghiêm Thị Thu	Trang				2	6	1991	TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học công nghệ TP HCM	Kế toán kiểm toán		QNG02818		87.50	58.75	57.50		QNG00418
256	Nguyễn Thị Ngọc	Trang				10	1	1988	Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02842		VT	VT	VT		QNG00372
257	Nguyễn Thị Thu	Trang				15	5	1988	Xã Tịnh Thiện - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Giao thông vận tải	Liên thông kế toán tổng hợp		QNG02849		75.00	43.75	67.50		QNG00142
258	Nguyễn Thị Thủy	Trang				22	10	1990	Tổ 10 - Phường Nghĩa Lộ - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG02853		87.50	61.25	70.00		QNG00101
259	Phạm Thị Minh	Trang				14	6	1985	TDP Trường Thọ Tây C - Phường Trương Quang Trọng - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		QNG02866		67.50	41.25	57.50		QNG00416
260	Phan Thị Thanh	Trang				16	8	1989	Xã Ba Đông - Huyện Ba Tơ - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG02877		VT	VT	VT		QNG00324

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV ư CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
261	Phan Thị Thu	Trang				22	7	1994	Xóm Chánh Hội Tây - Thôn Tham Hội 2 - Xã Bình Thạnh Đông - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Huế	Luật kinh tế		QNG02879		45.00	30.00	50.00		QNG00052	
262	Thái Thị Quỳnh	Trang				13	12	1993	Thanh Đông - Thanh Chương - Nghệ An	Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính doanh nghiệp	Con BB	QNG02882	20	20.00	26.25	37.50		QNG00076	
263	Tiêu Thị Mỹ	Trang				5	3	1990	Xã Hành Minh - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG02883		47.50	42.50	62.50		QNG00345	
264	Trần Thị Thu	Trang				6	6	1991	Xã Vĩnh Tiến - Huyện Vĩnh Lộc - Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Tổng hợp Ulyanovsu	Kế toán - Kiểm toán - Phân tích		QNG02904		VT	MT	VT		QNG00358	
265	Võ Thị Thu	Trang				18	7	1992	Thôn Hồ Tiểu - Xã Nghĩa Hà - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị - Luật		QNG02918		50.00	41.25	42.50		QNG00305	
266	Vũ Thị Thùy	Trang				23	1	1989	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Quản trị Kinh doanh quốc tế		QNG02919		45.00	31.25	35.00		QNG00127	
267	Vương Thị Thu	Trang				1	8	1993	Thị trấn Châu Ô - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính		QNG02920		VT	VT	VT		QNG00172	
268	Phạm Xuân	Triều	23	10	1988				Thôn Thủy Thạch - Xã Phổ Cường - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng		QNG02926		80.00	50.00	55.00		QNG00171	
269	Trần Thủy	Triều				6	7	1992	Tổ 16 - Phường Quảng Phú - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Duy Tân	Tài chính ngân hàng		QNG02927		45.00	50.00	52.50		QNG00322	
270	Lưu Thị Tuyết	Trình				21	2	1991	Kiến An - Hải Phòng	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG02939		VT	VT	VT		QNG00001	
271	Ngô Thị Phương	Trình				25	9	1994	Đội 5 - Thôn 3 - Xã Nghĩa Đông - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		QNG02940		VT	VT	VT		QNG00013	
272	Nguyễn Thùy	Trình				12	3	1992	Xã Bình Minh - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		QNG02947		VT	VT	VT		QNG00342	
273	Phan Thị Thu	Trình				10	12	1991	Xã Nghĩa Phương - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát	Con TB	QNG02948	20	VT	VT	VT		QNG00309	
274	Trương Thị Yến	Trình				11	9	1989	Tỉnh Khê - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		QNG02951		VT	VT	VT		QNG00197	
275	Đặng	Trong	27	9	1994				Thôn Nam Bình - Xã Bình Nguyên - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02955		42.50	33.75	47.50		QNG00021	
276	Nguyễn Minh	Tuấn	25	5	1990				Xã Tịnh Sơn - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		QNG03008		VT	VT	VT		QNG00069	
277	Nguyễn Thị Kim	Tuyền				6	2	1994	Xã Bình Hải - Huyện Thăng Bình - Tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài Chính Kế toán	Ngân hàng		QNG03027		87.50	52.50	67.50		QNG00111	
278	Bùi Thị Thanh	Tuyền				25	3	1990	Phường Trần Phú - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Quốc tế		QNG03028		VT	VT	VT		QNG00369	
279	Nguyễn Thị	Tuyền				27	10	1989	Hành Phước - Nghĩa Hành - Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Kế toán		QNG03031		52.50	22.50	27.50		QNG00169	
280	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền				11	8	1994	Xã Hành Trung - Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG03035		72.50	40.00	70.00		QNG00148	
281	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền				3	9	1988	Đội 21 - Thôn Diên Niên - Xã Tịnh Sơn - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		QNG03033		VT	VT	VT		QNG00185	
282	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết				9	8	1987	416/30 Nguyễn Trãi - Phường Quảng Phú - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG03046		67.50	57.50	62.50		QNG00119	
283	Trần Thị Ánh	Tuyết				10	12	1992	Thị trấn Châu Ô - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG03049		62.50	48.75	67.50		QNG00423	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
284	Trương Thị	Tuyết				9	9	1992	Xã Bình Châu - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Tài chính doanh nghiệp	Con NHCS như TB	QNG03051	20	VT	VT	VT		QNG00417
285	Huỳnh Thị	Ty				21	9	1991	Xã Bình Đông - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG03053		42.50	35.00	40.00		QNG00317
286	Hồ Nữ Chân	Uyên				24	7	1982	Xã Thủy Vân - Huyện Hương Thủy - Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG03057		75.00	66.25	77.50		QNG00030
287	Phạm Nữ Mai	Uyên				19	4	1993	Đội 10 - Thôn 6 - Xã Đức Chánh - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG03065		55.00	32.50	50.00		QNG00422
288	Hồ Thị Hoàng	Uyển				20	7	1993	Xã Bình Minh - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp		QNG03070		92.50	72.50	27.50		QNG00048
289	Bùi Thị Ái	Vân				18	7	1992	Đội 4 - Thôn Cộng Hòa 2 - Xã Tịnh An Tây - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG03071		72.50	71.25	87.50		QNG00055
290	Lê Thị	Vân				2	6	1991	Thôn Hiền Lương - Xã Nghĩa Hà - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG03082		VT	VT	VT		QNG00082
291	Nguyễn Thị Bích	Vân				27	4	1992	Tịnh Giang - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh thương mại		QNG03094		VT	VT	VT		QNG00199
292	Nguyễn Thị Kiều	Vân				6	8	1994	Long Hiệp - Minh Long - Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG03101		52.50	32.50	60.00		QNG00113
293	Cao Thị Huyền	Vi				6	10	1992	Xã Tịnh Long - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG03113		65.00	52.50	72.50		QNG00004
294	Lê Thị Thủy	Vi				12	3	1992	Đội 8 - Thôn Phú Long 2 - Xã Bình Phước - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và quản lý thuế		QNG03116		62.50	45.00	52.50		QNG00029
295	Lê Thị Tường	Vi				6	12	1991	Xã Tịnh Khê - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		QNG03118		77.50	43.75	62.50		QNG00181
296	Nguyễn Hà	Vi				12	9	1994	Đội 8 - Xã Bình Tân - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG03119		VT	VT	VT		QNG00407
297	Phạm Thị Tường	Vi				17	5	1990	Xã Đức Thanh - Huyện Mộ Đức - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG03123		92.50	57.50	82.50		QNG00129
298	Huỳnh Lê	Viên	8	5	1989				Xã Tịnh Bình - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh tế tài nguyên môi trường		QNG03132		VT	VT	VT		QNG00319
299	Nguyễn Hồng	Việt	30	11	1990				Thôn Thọ Trung - Xã Tịnh Thọ - Huyện Tịnh Thọ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Con NHCS như TB	QNG03142	20	52.50	51.25	72.50		QNG00056
300	Nguyễn Thị Kim	Vinh				12	3	1989	Nghĩa Thuận - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính Marketing	Kế toán		QNG03151		42.50	33.75	50.00		QNG00134
301	Nguyễn Văn	Vũ	14	8	1989				Thôn Tân Hy - Xã Bình Đông - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		QNG03172		42.50	42.50	50.00		QNG00155
302	Trần Thị Thanh	Vũ				31	7	1988	Nghĩa Thắng - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		QNG03174		VT	VT	VT		QNG00183
303	Nguyễn Hữu Hoài	Vương	1	6	1994				Xã Tịnh An - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật Huế	Luật TCKD		QNG03177		VT	VT	VT		QNG00033
304	Nguyễn Thị Tường	Vy				22	5	1993	Nghĩa Hà - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán ngân hàng		QNG03190		72.50	52.50	77.50		QNG00152
305	Hoàng Thị Hải	Yến				12	6	1985	Xã Phổ Minh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		QNG03234		45.00	25.00	35.00		QNG00080
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Nguyễn Thị Kim	Anh				8	1	1990	Xã Bình Thanh Đông - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường đại học khoa học tự nhiên HCM	Công nghệ thông tin		QNG03269		VT	VT			QNG00216

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Vy	Bình	14	3	1984				KDC 2B - Liên hiệp I - P. Trương Quang Trọng - TP. Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Công nghệ thông tin		QNG03275		37.50	33.75			QNG00206
3	Nguyễn Minh	Dăng	19	2	1990				Xã Phổ Ninh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Phạm Văn Đồng	Công nghệ thông tin	HTNVQS	QNG03277	10	52.50	13.75			QNG00431
4	Huỳnh Xuân	Duy	14	3	1992				Xã Long Mai - Huyện Minh Long - Thành phố Quảng Ngãi	Đại học Phạm Văn Đồng	Công nghệ thông tin		QNG03279		37.50	25.00			QNG00433
5	Nguyễn Quang	Duy	30	11	1987				Xã Tây Giang - Huyện Tây Sơn - Tỉnh Bình Định	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Điện tử - Viễn thông		QNG03281		75.00	61.25			QNG00201
6	Nguyễn Quốc	Huy	4	8	1980				Xã Phổ Nhơn - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học khoa học Huế	Tin học		QNG03291		40.00	VT			QNG00219
7	Nguyễn Minh	Khánh	7	2	1988				Xã Phổ Khánh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Phạm Văn Đồng	Công nghệ thông tin		QNG03293		47.50	37.50			QNG00215
8	Nguyễn Tôn Xuân	Lộc	15	6	1992				Xã Tịnh Giang - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Duy Tân	Kỹ thuật phần mềm		QNG03296		62.50	36.25			QNG00213
9	Huỳnh Nguyễn Quang	Minh	10	10	1985				Xã Phổ Minh - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường đại học Khoa học tự nhiên	Công nghệ thông tin		QNG03300		67.50	71.25			QNG00210
10	Huỳnh Lê Đại	Ngọc	7	7	1993				Hành Thịnh - Nghĩa Hành - Quảng Ngãi	Trường đại học Sư phạm TP HCM	Công nghệ thông tin		QNG03305		70.00	42.50			QNG00211
11	Nguyễn Thái	Sơn	4	7	1989				Bình Nguyên - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Công nghệ thông tin		QNG03308		65.00	37.50			QNG00202
12	Võ Ngọc	Thái	12	7	1985				Tịnh Phong - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Đại học Đông Á	Điện tử - Viễn thông		QNG03314		VT	VT			QNG00205
13	Lê Văn	Thức	10	7	1992				Gò Da - Sơn Linh - Sơn Hà - Quảng Ngãi	Đại học Phạm Văn Đồng	Công nghệ thông tin		QNG03318		55.00	35.00			QNG00218
14	Nguyễn Thị Lê	Thường				12	2	1993	Xã Nghĩa Trung - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường đại học khoa học tự nhiên HCM	Toán - Tin học		QNG03319		VT	VT			QNG00217
15	Nguyễn Văn	Tin	16	9	1991				Thôn Thủy Triều - Xã Phổ Văn - Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Khoa học máy tính		QNG03322		72.50	45.00			QNG00212
16	Trần Quốc	Tuấn	14	10	1988				TDP 2 - Thị trấn Châu Ô - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Công nghệ thông tin	Kỹ thuật máy tính		QNG03335		50.00	40.00			QNG00208
17	Trương Quang	Tuấn	12	6	1989				P.Trương Quang Trọng - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đông Á	Công nghệ thông tin		QNG03336		VT	VT			QNG00214
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Nguyễn Thị Diệu	Chi				14	5	1984	P. Trần Phú - TP. Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Trung học chuyên nghiệp Công kỹ nghệ Cao Thắng	Văn thư lưu trữ		QNG03458		40.00	30.00	72.00		QNG00220
2	Trần Thị Kim	Nhớ				20	4	1990	Phường Nghĩa Lộ - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Trường cao đẳng kỹ thuật - Công nghiệp Quảng Ngãi	Hành chính văn thư		QNG03477		76.00	40.00	76.00		QNG00209
3	Nguyễn Thị	Quyên				2	4	1989	Bình Đông - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Đại học Nội Vụ	Quản trị văn phòng		QNG03480		VT	VT	VT		QNG00203
4	Lê Thị Thúy	Vân				2	9	1989	Tổ 4 - P.Nghĩa Lộ - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Sài Gòn	Quản trị văn phòng		QNG03489		68.00	30.00	84.00		QNG00207

ng